TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2026/DS-ST
Ngày 11-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Bà Phạm Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2026/TLST-DS ngày 05/02/2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2026/QĐXXST-DS ngày 06/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 536/2026/QĐST – DS ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị X, sinh năm 1985; thường trú: 120/Mh ấp M, xã A, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 107A/5 khu phố 4, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977; thường trú: Số 444 tổ 14A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Ki ốt số 1, số nhà 1/27, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Ông Đinh Văn H, sinh năm 2002 và ông Đinh Văn H1, sinh năm 2006; cùng thường trú: Số 444 tổ 14A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Ki ốt số 1, số nhà 1/27, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Đinh Văn L, sinh năm 1944; thường trú: Thôn T, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt);

+ Bà Phan Thị L1, sinh năm 1948; thường trú: Thôn T, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày:

Bà và ông Đinh Văn M có quen biết nhau từ trước, ông Đinh Văn M nói cần tiền để giải quyết việc gia đình nên bà đồng ý cho Ông M vay, cụ thể như sau:

Bà Trần Thị X có mở quán nhậu trên đường GS1, phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Đinh Văn M là khách quen của quán. Do Ông M đến nhậu nhiều lần nên bà X và ông M quen biết nhau từ năm 2021 đến nay. Ông M vay tiền của bà X nhiều lần, mỗi lần 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, có lúc 50.000.000 đồng, những lần này ông M đều trả nợ đúng hẹn. Sau đó, ông M có hỏi vay tiền của bà X, nên bà X vay số tiền 299.250.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VPB) và chia làm 03 phần để cho ông M vay 1 phần, bà Thẩm Thị Dịch Th vay 01 phần và phần còn lại thì bà X vay, sau khi trừ đi tiền dịch vụ, phí bảo hiểm, khoản tiền bảo lưu tài khoản để trừ tiền phí tự động thì số tiền còn lại là 274.398.000 đồng/3 = 91.466.000 đồng. Tiền gốc và lãi vay được chia đều thành 35 kỳ thanh toán, cụ thể mỗi kỳ thanh toán mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.242.000 đồng/tháng và trả cố định vào ngày 1 hàng tháng. Việc vay tiền này, ông M có ghi giấy vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông M đã trả cho bà X được 18 tháng, với tổng số tiền 76.356.000 đồng. Ông M trả bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng Quân Đội số tài khoản 0965245669 tên Trần Thị X. Đến khoảng tháng 04/2025 thì ông M ngưng trả nợ cho bà. Do đây là khoản nợ vay ngân hàng, mỗi kỳ trả 4.242.000đ/tháng x 35 kỳ = 148.470.000 đồng, ông M đã trả được 18 kỳ x 4.242.000đ = 76.356.000 đồng nên số tiền còn lại ông M phải trả là: 72.114.000 đồng.

Ngoài khoản vay trên, ngày 27/6/2023 bà X có cho ông M vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất bằng văn bản, chỉ thỏa thuận bằng miệng là bà X cho ông M vay trong thời hạn 03 tháng, không có lãi suất. Nhưng đến nay ông M vẫn không thanh toán. Đối với khoản vay ngày 27/6/2023 ông M chưa thanh toán cho bà bất kỳ khoản tiền nào.

Theo đơn khởi kiện, bà X yêu cầu các đồng thừa kế của ông Đinh Văn M là bà Nguyễn Thị V, ông Đinh Văn H và ông Đinh Văn H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà X tổng số tiền ông M đã vay là 211.466.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Quá trình tố tụng, bà X xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu các đồng thừa kế của ông Đinh Văn M là bà Nguyễn Thị V, ông Đinh Văn H và ông Đinh Văn H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà X tổng số tiền ông M còn nợ là 192.114.000 đ (một trăm chín mươi hai triệu, một trăm mười bốn nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị V và ông Đinh Văn H thống nhất trình bày:

Ông Đinh Văn M sinh năm 1978 (mất ngày 30/7/2025) và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng, kết hôn năm 2000. Quá trình chung sống Ông M và bà V có với nhau 02 người con chung tên Đinh Văn H, sinh năm 2002 và Đinh Văn H1, sinh năm 2006. Ngoài ra, ông M không có con riêng, con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác. Cha mẹ ruột của ông M là ông Đinh Văn L, sinh năm 1944 và bà Phan Thị L1, sinh năm 1948. Ngoài ra, ông M không có cha mẹ nuôi. Ông M với bà X không có mối quan hệ họ hàng hay thân thích gì. Trước đây bà X có mở quán nhậu, ông M thường xuyên lui tới ăn nhậu ở quán bà X nên quen biết. Thông qua ông M nên năm 2022 bà V có quen biết bà X. Giữa vợ chồng bà V với bà X có góp vốn mở quán nhậu tên Hùng Phát ở địa chỉ GS8, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Các ông bà làm ăn chung đến năm 2024 thì đóng quán. Giữa ông M với bà X có giao dịch vay mượn gì hay không thì bà V không biết, ông M không nói cho bà V và ông H biết về việc có vay tiền của bà X. Sau khi ông M mất, bà X có mang giấy vay tiền đến nhà bà V để đòi nợ, tuy nhiên do ông bà không biết có khoản nợ này nên không đồng ý trả vì vậy bà X mới khởi kiện đến Tòa án. Quá trình chung sống vợ chồng ông M, bà V có tạo lập được quyền sử dụng đất 114,7m^2 thuộc thửa số 435, tờ bản đồ số 49, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD270589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09680 do Sở TN và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2016. Đến năm 2025 Ông M mất nên gia đình bà đã thống nhất phân chia di sản thừa kế của Ông M như sau: Ông L, bà L1 là cha mẹ của ông M từ chối nhận di sản thừa kế. Đồng thời ông Đinh Văn H và ông Đinh Văn H1 thống nhất phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trên cho bà Nguyễn Thị V. Bà Nguyễn Thị V đã làm thủ tục khai nhận di sản, bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Thiện với giá 4.000.000.000 đồng, trả nợ cho Ngân hàng 2.000.000.000 đồng. Ngoài di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trên thì ông M không để lại di sản nào khác. Nay bà X khởi kiện, yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của ông M gồm bà V, ông H, ông H1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mà ông M đã vay là 192.114.000 đồng thì ông, bà đồng ý trả nợ cho ông M, vì di sản của ông M để lại các ông bà đã phân chia và đã thụ hưởng trước khi thanh toán các nghĩa vụ cho ông M. Nay bà X yêu cầu phải trả số nợ trên thì ông H, bà V đồng ý. Khoản nợ này cha mẹ chồng bà V là ông L, bà L1 không liên quan.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Đinh Văn H1 trình bày:

Ông Đinh Văn H1 thống nhất với toàn bộ lời khai của mẹ là bà Nguyễn Thị V và anh trai là Đinh Văn H có trong hồ sơ vụ án và không bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn L và bà Phan Thị L1 trình bày: Tòa án đã tống đạt hợp lệ triệu tập ông L

và bà L1 tham gia tố tụng. Tuy nhiên, ông L, bà L1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và các bị đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn L và bà Phan Thị L1 không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Văn M là bà Nguyễn Thị V, ông Đinh Văn H, ông Đinh Văn H1 trả số tiền nợ gốc do ông M vay nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại". Bị đơn có địa chỉ tại: Ki ốt số 1, số nhà 1/27, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn và các bị đơn bà Nguyễn Thị V, ông Đinh Văn H, ông Đinh Văn H1 vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn L và bà Phan Thị L1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2.2] Về quan hệ tranh chấp: Quá trình tố tụng Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tuy nhiên, hiện nay ông Đinh Văn M đã chết, nguyên đơn yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M thực hiện nghĩa vụ xuất phát từ hợp đồng vay tài sản do ông M thực hiện. Để giải quyết triệt để vụ án, Tòa án xác định thêm quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền vay ngày 24/6/2023: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 91.466.000 đồng, có lập giấy cho vay tiền ngày 24/6/2023, bị đơn có ký và ghi rõ họ tên. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng trả 4.242.000 đồng, thời gian 35 tháng và trả vào ngày 01 hàng tháng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông M phải trả cho bà X trong thời gian 35 tháng như sau: 4.242.000 đồng/tháng x 35 tháng = 148.470.000 đồng. Tổng số tiền lãi phải trả: 148.470.000 đồng - 91.466.000 đồng = 57.004.000 đồng.

Lãi suất bình quân mỗi tháng (tính trên tổng số tiền vay và thời gian): Lãi suất tổng cộng cả kỳ (35 tháng): 57.004.000 đồng/91.466.000 = 62,32%. Lãi

suất chia bình quân mỗi tháng: 62,32%/35 tháng = 1,78% (tương đương 21,37%/năm).

Như vậy, hợp đồng vay ngày 24/6/2023 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[3.2] Hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất các bên thỏa thuận 1,78%/tháng (tương đương 21,37%/năm). Mức lãi suất này đã vượt quá giới hạn 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468. Lãi suất *"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Nên chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất tối đa là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,78%/tháng là không phù hợp. Như vậy, số tiền gốc và lãi bị đơn còn nợ của nguyên đơn được xác định như sau:

Tiền lãi: 91.466.000 đồng x 1,66%/tháng x 35 tháng = 53.141.746 đồng;

Tổng cả gốc và lãi: 91.466.000 đồng + 53.141.746 đồng = 144.607.746 đồng.

Quá trình vay, ông M đã thanh toán được 76.356.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc lãi còn lại ông M phải thanh toán như sau: 144.607.746 đồng – 76.356.000 đồng = 68.251.746 đồng.

[3.3] Đối với số tiền vay ngày 27/6/2023: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 120.000.000 đồng, có lập giấy cho vay tiền ngày 27/6/2023, bị đơn có ký và ghi rõ họ tên. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Sau khi ông Đinh Văn M chết ngày 30/7/2025, bà X đã gửi thông báo và đến nhà bà V là vợ ông M để yêu cầu thanh toán nhưng những người thuộc hàng thừa kế của ông M không trả. Quá trình tố tụng, bà V, ông H và ông H1 đồng ý trả số tiền ông Đinh Văn M còn nợ cho bà Trần Thị X.

[3.4] Đối với yêu cầu buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Văn M gồm vợ là bà Nguyễn Thị V và 02 con gồm ông Đinh Văn H và Đinh Văn H1 phải trả số tiền ông M còn nợ là 192.114.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Quá trình tố tụng Tòa án đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 24, đồng thời căn cứ vào sự thừa nhận của bà V, ông H, ông H1 như sau: Ông M và bà V là vợ chồng, quá trình chung sống bà V và Ông M có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất 114,7m^2 thuộc thửa số 435, tờ bản đồ số 49, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương và đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD270589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09680 do Sở TN và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/7/2016 cho bà Nguyễn Thị V đứng tên. Đến năm 2025 ông M mất nên gia đình bà V đã thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông M như sau: Ông L, bà L1 là cha mẹ của ông M từ chối nhận di sản thừa kế nêu trên theo văn bản từ chối nhận di sản ngày 26/9/2025. Đồng thời ông Đinh Văn H và ông Đinh Văn H1 thống nhất phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trên cho bà Nguyễn Thị V theo Văn bản phân chia di sản đề ngày 01/11/2025. Bà Nguyễn Thị V đã làm thủ tục khai nhận di sản, bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới và đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Thiện với giá 4.000.000.000 đồng, trả nợ cho Ngân hàng 2.000.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 8 Điều 658 của BLDS về thứ tự ưu tiên thanh toán "…8.*Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân".* Đồng thời, khoản 1, khoản 3 Điều 615 BLDS quy định *"1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Như vậy, bà Nguyễn Thị V đã nhận toàn bộ phần di sản thừa kế do ông Đinh Văn M chết để lại và số tiền bà V được thừa hưởng từ khối di sản do ông M chết để lại nhiều hơn khoản nợ ông M còn nợ của bà X. Vì vậy, bà V phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị X số tiền mà ông Đinh Văn M còn nợ là 68.251.746 đồng + 120.000.000 đồng = 188.251.746 đồng theo như phân tích ở trên.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà Trần Thị X số tiền ông Đinh Văn M còn nợ là 188.251.746 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc buộc bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền 3.862.254 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc buộc ông Đinh Văn H và ông Đinh Văn H1 phải cùng liên đới trả cho bà X số tiền ông Đinh Văn M còn nợ là 192.114.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được HĐXX chấp nhận, bị đơn bà V phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 và Điều 658 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại với bà Nguyễn Thị V, ông Đinh Văn H, ông Đinh Văn H1.

Buộc bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị X tổng số tiền 188,251,746 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải trả số tiền 3,862,254 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc buộc Đinh Văn H và Đinh Văn H1 phải cùng liên đới với bà Nguyễn Thị V thanh toán số tiền ông Đinh Văn M còn nợ là 192,114,000 đồng

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V chịu 9,412,587 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị X phải chịu 300,000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5,286,650 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009578 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho bà Trần Thị X số tiền tạm ứng còn thừa 4,986,650 đồng.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16, Tp.HCM;
- Phòng THADS KV16, Tp.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng